

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ~~AAA~~./2023/CV-HBC
V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2023

**KÍNH GỢI: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM**

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Báo cáo tài chính giữa niên độ riêng và hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2023.

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Xây Dựng Hòa Bình, mã chứng khoán HBC, xin giải trình chênh lệch phần lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2023 của trước và sau soát xét như sau:

I. BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY ME

CHỈ TIÊU	Mã số	Sau soát xét	Trước soát xét	Tăng/(giảm)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	3.402.277.037.260	3.418.599.903.455	(16.322.866.195)
Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	3.402.277.037.260	3.418.599.903.455	(16.322.866.195)
Giá vốn hàng bán	11	3.215.993.908.453	3.198.811.071.441	17.182.837.012
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	186.283.128.807	219.788.832.014	(33.505.703.207)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	16.746.441.989	159.021.478.822	(142.275.036.833)
Chi phí tài chính	22	278.836.847.120	282.854.949.141	(4.018.102.021)
- Trong đó: chi phí lãi vay	23	265.946.417.889	269.964.519.910	(4.018.102.021)
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	580.160.643.224	490.967.213.591	89.193.429.633
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(655.967.919.548)	(395.011.851.896)	(260.956.067.652)
Thu nhập khác	31	8.664.700.384	660.736.308.670	(652.071.608.286)
Chi phí khác	32	600.000.000	600.000.000	-
Lợi nhuận khác	40	8.064.700.384	660.136.308.670	(652.071.608.286)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(647.903.219.164)	265.124.456.774	(913.027.675.938)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	-	34.215.910.810	(34.215.910.810)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(4.961.270.863)	358.152.666	(5.319.423.529)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(642.941.948.301)	230.550.393.298	(873.492.341.599)

Nguyên nhân chênh lệch:

- Điều chỉnh giảm doanh thu (16.322.866.195) đồng do chưa thống nhất đơn giá phần trượt giá nguyên vật liệu
- Điều chỉnh tăng Giá vốn 17.182.837.012 đồng do điều chỉnh tăng chi phí thuê máy móc thiết bị một số công trình;
- Điều chỉnh lợi nhuận từ hoạt động tài chính (138.256.934.812) đồng do điều chỉnh doanh thu tài chính từ hoạt động chuyển nhượng công ty con và điều chỉnh giảm lãi cho vay;
- Điều chỉnh tăng chi phí quản lý doanh nghiệp 89.193.429.633 đồng do điều chỉnh tăng chi phí trích lập thêm dự phòng phải thu khó đòi;
- Lợi nhuận khác giảm (652.071.608.286) đồng: Điều chỉnh giảm lợi nhuận liên quan tới thanh lý bán tài sản;
- Điều chỉnh giảm Chi phí thuế TNDN Hiện hành (34.215.910.810) đồng: Điều chỉnh giảm lợi nhuận
- Điều chỉnh giảm Chi phí thuế TNDN hoãn lại (5.319.423.529) đồng: liên quan đến chi phí trích lập dự phòng đầu tư dài hạn;

II. BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Mã số	Sau soát xét	Trước soát xét	Tăng/(giảm)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	3,462,589,585,777	3,492,242,795,043	(29,653,209,266)
Các khoản giảm trừ doanh thu	2	(28,419,388)	(28,419,388)	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	3,462,561,166,389	3,492,214,375,655	(29,653,209,266)
Giá vốn hàng bán	11	3,275,222,205,608	3,271,286,749,618	3,935,455,990
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	187,338,960,781	220,927,626,037	(33,588,665,256)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23,428,857,400	95,612,095,645	(72,183,238,245)
Chi phí tài chính	22	275,761,960,193	279,647,722,554	(3,885,762,360)
- Trong đó: chi phí lãi vay	23	274,444,483,898	278,333,246,258	(3,888,762,360)
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	(2,910,631,093)	(2,910,631,093)	-
Chi phí bán hàng	25	14,025,054,396	14,025,054,396	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	627,399,273,882	535,547,170,543	91,852,103,339
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(709,329,101,383)	(515,590,856,903)	(193,738,244,480)
Thu nhập khác	31	13,127,553,763	665,685,761,345	(652,558,207,582)
Chi phí khác	32	7,181,627,650	7,547,688,696	(366,061,046)
Lợi nhuận khác	40	5,945,926,113	658,138,072,649	(652,192,146,536)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(703,383,175,270)	142,547,215,746	(845,930,391,016)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	347,900,447	34,566,611,257	(34,218,710,810)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	9,483,438,953	6,460,868,504	3,022,570,449
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(713,214,514,670)	101,519,735,985	(814,734,250,655)



Nguyên nhân chênh lệch:

- Lợi nhuận gộp điều chỉnh giảm (33,588,665,256) đồng do điều chỉnh giảm doanh thu, tăng giá vốn liên quan đến doanh thu chi phí cho thuê MMTB và thi công xây dựng;
- Điều chỉnh giảm doanh thu tài chính (72,183,238,245) đồng chủ yếu đến từ khoản điều chỉnh giảm doanh thu tài chính từ việc chuyển nhượng Công ty con – Công ty TNHH MTV MXD Matec số tiền (74,388,362,539) đồng; và còn lại là khoản điều chỉnh tăng lãi cho vay tại Công ty Tiến Phát Sanyo Home;
- Điều chỉnh giảm chi phí tài chính (3,885,762,360) đồng: Điều chỉnh giảm do trích dư lãi vay tại Công ty mẹ HBC;
- Điều chỉnh tăng chi phí quản lý doanh nghiệp 91,852,103,339 đồng: Điều chỉnh tăng trích lập dự phòng phải thu khó;
- Điều chỉnh giảm lợi nhuận khác (652,192,146,536) đồng chủ yếu đến từ điều chỉnh giảm lợi nhuận từ việc bán tài sản tại Cty mẹ HBC;
- Điều chỉnh giảm thuế TNDN hiện hành (34,218,710,810) đồng chủ yếu đến từ điều chỉnh giảm thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ HBC do điều chỉnh lợi nhuận giảm;
- Điều chỉnh tăng Chi phí thuế TNDN hoãn lại 3,022,570,449 đồng liên quan đến chi phí trích lập dự phòng đầu tư dài hạn;

Trân trọng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG HÒA BÌNH
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



LÊ VIỆT HẢI

Nơi gửi:

- Như trên;
- Lưu văn thư.

